HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **XÃ HÒN ĐẤT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 38/NQ-HĐND	*Hòn Đất, ngày 06 tháng 11 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Phương án xử lý kết dư ngân sách xã năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ HÒN ĐẤT
KHÓA II, KỲ HỌP THỨ 5

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách Nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Hòn Đất phê duyệt Phương án xử lý kết dư ngân sách xã năm 2025;

Xét Tờ trình số 207/TTr-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã dự thảo Nghị quyết phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Phương án xử lý kết dư ngân sách xã năm 2025; Báo cáo thẩm tra số 67/BC-BKTNS ngày 02 tháng 11 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Phương án xử lý kết dư ngân sách xã năm 2025.

1. Điều chỉnh, bổ sung tổng số tiền của phương án xử lý kết dư ngân sách xã năm 2025 từ 6.963.009.361 đồng lên 13.427.412.361 đồng, tăng 6.464.403.000 đồng so với Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 17/6/2026 của HĐND xã.

2. Điều chỉnh phương án xử lý kết dư ngân sách xã năm 2025:

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân xã triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Hòn Đất khóa II, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 06 tháng 11 năm 2026 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:
- TT. HĐND tỉnh, Tổ đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Thường trực Đảng uỷ xã;
- TT. HĐND - UBND - UBMTTQ VN xã;
- Các Ban của HĐND xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Các phòng chuyên môn xã;
- BLĐ các ấp;
- LĐVP HĐND và UBND xã;
- Trang TTĐT tổng hợp xã;
- Lưu: VT,nthnhung.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Quốc Lập

PHỤ LỤC
PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ KẾT DƯ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 06/11/2026 của Hội đồng nhân dân xã)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Số tiền trước điều chỉnh	Điều chỉnh	Trong đó		Số tiền sau điều chỉnh
				Tăng	Giảm	
1	Tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2026	1.963.009.361	7.464.403.000	7.464.403.000		9.427.412.361
2	Kinh phí mua sắm máy móc, trang thiết bị phục vụ công tác phòng cháy chữa cháy trên địa bàn xã Hòn Đất	200.000.000	0			200.000.000
3	Kinh phí sự nghiệp y tế giữ lại chưa phân bổ chi tiết (Dự kiến mua sắm máy móc, trang thiết bị phục vụ công tác khám chữa bệnh cho Trạm Y tế)	2.000.000.000	-200.000.000		-200.000.000	1.800.000.000
4	Kinh phí sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới các hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã Hòn Đất		2.000.000.000	2.000.000.000		2.000.000.000
5	Kinh phí sửa chữa trụ sở làm việc của các cơ quan, ban ngành cấp xã	500.000.000	-500.000.000		-500.000.000	0
6	Kinh phí lắp đặt camera an ninh trên địa bàn xã Hòn Đất	800.000.000	-800.000.000		-800.000.000	0
7	Kinh phí mua sắm phương tiện, thiết bị; trang phục, huy hiệu, phù hiệu, biển hiệu, giấy chứng nhận theo tiêu chuẩn quy định tại Nghị định số 40/2024/NĐ-CP cho lực lượng an ninh trật tự	500.000.000	-500.000.000		-500.000.000	0
8	Ủy thác vốn ngân sách xã cho Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội Hòn Đất thực hiện cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn xã Hòn Đất	1.000.000.000	-1.000.000.000		-1.000.000.000	0
	Tổng cộng	**6.963.009.361**	**6.464.403.000**	**9.464.403.000**	**-3.000.000.000**	**13.427.412.361**